TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/ 2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 /6/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Q Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Bá Đường
2. Bà Đinh Thị Út

***- Thư ký phiên toà*:** Bà L Thị Dần - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không;

Ngày 05/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T – Sinh năm 1985

Trú tại: Thôn 2 NT, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn Q– Sinh năm 1975

Trú tại: Thôn 2 NT, xã KS, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – (Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Hà Văn Q chung sống như vợ chồng năm 2003 không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục 02 người về chung sống hạnh phúc tại thôn 2 NT, xã KS, huyện Bảo Yên đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q có tính gia trưởng hay áp đặt đối với chị T, bắt chị T phải phục tùng khi chị T khuyên bảo thì anh Q chửi mắng chị T. Mặt khác anh Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, năm 2019 thì anh chị ly thân. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung: Cháu, Hà Anh L – Sinh ngày 17/7/ 2004, cháu Hà Thị Kiều O – Sinh ngày 02/02/2006. Đến nay các cháu đã trên 18 tuổi chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Hà Văn Q; anh Q cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo thụ lý giải quyết vụ án và tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn đã không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đồng thời không đến Tòa án tham tố tụng để giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Cần áp dụng khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị T và anh Hà Văn Q sống chung như vợ chồng, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đến UBND cấp xã tại nơi cư trú mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình quy định "Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này (Luật HNGĐ) và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên không công nhận quan hệ vợ chông". Vì vậy việc chung sống như vợ chồng giữa chị T và anh Q không được pháp luật công nhận. Vì vậy cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị T và anh Q là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết:

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Lương Thị T và anh Hà Văn Q là vợ chồng.

2. Về án phí:

Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003555 ngày17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Q Đại

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Đường – Đinh Thị Út **Vũ Q Đại**